

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST.

Ngày: 14-9-2023.

V/v tranh chấp về dân sự quyền
về lỗi đi qua.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị L

2. Ông Nguyễn Hồng C

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Q, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị P - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2022/TLST-DS, ngày 28/10/2022, “Tranh chấp dân sự quyền về lỗi đi qua; Quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề; Mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản khác”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2023/QĐST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Nhà số 155, đường B, tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông K: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 07, đường số 2, khu phố 7, phường T, quận Đ, thành phố M. Địa chỉ hiện nay: Tổ 10, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 435, Lộ Hòa Đông, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Q, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 435, Lộ Hòa Đông, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Nhà số 151, đường B, tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông S: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 07, đường số 2, khu phố 7, phường T, quận Đ, thành phố M. Địa chỉ hiện nay: Tổ 10, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022)

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Nhà số 91, đường B, tổ 9, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông B: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 07, đường số 2, khu phố 7, phường T, quận Đ, thành phố M. Địa chỉ hiện nay: tổ 10, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022)

3. Ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Nhà số 155, đường B, Tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 07, đường số 2, khu phố 7, phường T, quận Đ, thành phố M. Địa chỉ hiện nay: Tổ 10, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022).

4. Bà Trương Thị Hoàng N, sinh năm 1967

5. Chị Nguyễn Thị Hoàng Q, sinh năm 1999

6. Anh Nguyễn Đăng S, sinh năm 2004

Địa chỉ: Số 435, Lộ Hòa Đông, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hoàng Q, bà Trương Thị Hoàng N có mặt;

Anh Nguyễn Đăng S vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K trình bày:

Thửa đất 145, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 338,4 m² có căn nhà gỗ không người ở tại số 153, đường B, tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ. Năm 1978, cha ông K là ông Nguyễn Văn Sa chết để lại cho 02 anh em là Nguyễn Văn K (thứ 10), em ruột thứ út là Nguyễn Văn S hơn 1.000 m² là đất ở và vườn tạp. Ông K đã có căn nhà gỗ ở riêng, ông S ở nhà cha có sẵn, mỗi người 500 m² kể cả khoảng trống ở mỗi người chừa một một nửa, tức ông S và ông K mỗi người Nng khoảng 4m, dài gần 50m, khoảng trống này có 6 cây me, xoài, vú sữa... , 2 anh em thống nhất để trống làm lối đi nông nghiệp và ra sau mộ mã của dòng họ, đồng thời ở xóm ai có qua đò đi ra sau chôn cất. Sau giải phóng, ông Nguyễn Hồng C đi kháng chiến về cùng vợ chồng và 03 con nhỏ, trong đó có Nguyễn Hồng T ở nhà tập thể Sở Y tế Đ. Năm 1978, ông C là cha ông T được nhà nước cho đất ở 2.000 m² tại lộ Hòa Đông ở cho đến nay. Trong lúc đang chờ cất nhà tại Lộ Hòa Đông, vợ chồng ông C cùng các con cất nhà tạm tại rạch Cái Da tức trên phần đất của ông K và ông S. Năm 1992, gia đình vợ chồng ông C cất nhà gỗ lợp ngói trên phần đất ở Lộ Hòa Đông, thấy con ông C còn nhỏ, vợ chồng ông C đi làm suốt nên bốn anh em có bàn nhau và đi đến thống nhất, ông K và ông S nhường mỗi người phân nửa diện tích là khoảng đất trống như nói ở trên cho vợ chồng ông C cất nhà nhưng phải chừa lối đi ra đất nông nghiệp, khu mộ Nng 1,5m, dài 50m, khi nào vợ chồng ông C qua đò thì các con ông C không ở, dỡ nhà trả lại lối đi ngang 8m, dài 50m như hiện hữu.

Ông K có ba thửa đất là: Thửa số 82, tờ bản đồ số 10, diện tích 300 m², thổ cư là căn nhà cặp với nhà của cha mẹ ông T 183,7 m², thửa số 20, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.413 m², hiện là vườn xoài, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.657,6 m² là vườn xoài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

vào sổ 01171/QSĐĐ/404/QĐ-UB, ngày 28/9/2003 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên.

Nay yêu cầu ông T trả lại diện tích đất Nng 1,5 mét, dài 50 mét, tại thửa đất 145, tờ bản đồ số 10, ở tại số 153, đường B, tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 3 năm 2023, ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Yêu cầu ông T cho ông K lối đi, chiều Nng 1,5 mét, chiều dài từ mốc M9 đến mốc M1 là 47,67 mét, chiều dài từ mốc M8 đến mốc M1 là 48,75 mét, có diện tích đất 72 m² trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9, tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại số 153, đường B, tổ 10, ấp K, xã A, thành phố C, Đ để làm lối đi ra thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.413 m², hiện là vườn xoài, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.657,6 m² là vườn xoài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01171/QSĐĐ/404/QĐ-UB, ngày 28/9/2003 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên. Nếu không được chấp nhận cho lối 72 m² thì không yêu cầu lối đi nào khác trên thửa đất số 145. Không đồng ý lối đi do ông T cho (giáp đất ông Trí).

Đồng ý trả giá trị đất lối đi, giá do Hội đồng định giá quyết định.

Đồng ý chịu chi phí di dời nhà cho ông T.

- Ông Nguyễn Văn K có ông Nguyễn Thanh L đại diện trình bày: Trước đây, ông P (em ông T) cho ông K lắp đặt trụ điện, hệ thống ống nước trên thửa đất 145, nay không đồng ý tháo dỡ, di dời.

- Ông Nguyễn Văn S có ông Nguyễn Thanh L đại diện :

Trước đây, ông P (em ông T) cho ông S lắp đặt hệ thống ống nước trên thửa đất 145, nay không đồng ý tháo dỡ, di dời.

- Ông Nguyễn Hồng T có bà Nguyễn Thị Hoàng Q đại diện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 338,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, tỉnh Đ như sau: Ông Sa đã cho ông C không nhớ năm nào. Đất do cha ông C cho. thời điểm này do ông C tham gia kháng Chiến và ở tù Côn Đảo, năm 1976 ông Chiến ra tù về công tác tại Sở y tế Đ nên chưa nhận đất sử dụng. Năm 1978, ông Sa chết. Năm 1992, ông C cất nhà trên đất tranh chấp ở cho đến nay. Bà N (vợ ông C) được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 10/5/2007, số AL 234086, thửa 145, tờ bản đồ số 10. Đến năm 2009, bà N chết. Hiện nay, tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 338,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, trên đất lối đi tranh chấp có nhà ở cất từ năm 1992, trồng cây ăn trái. Không đồng ý yêu cầu của ông K.

Đồng ý cho K sử dụng lối đi tạm chiều Nng 01 mét (*giáp đất ông Nguyễn Văn Trí*), chiều dài từ đất ông K sang giáp đất ông S, tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số

vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ. Khi nào có lối đi khác thì ông T không cho sử dụng đất làm lối đi. Việc cho sử dụng tạm lối đi không phải trả giá trị đất.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2023 của ông Nguyễn Hồng T như sau:

Ông T có diện tích đất thửa 145, tờ bản đồ số 10 tại xã A, thành phố C, Đ do ông T đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn K chiếm đất sử dụng cụ thể trồng trụ điện cao 02 mét, giăng kéo dây điện ngang qua đất ông T không đúng qui định; lắp đặt hệ thống nước ϕ 60 dẫn âm nền và hệ thống nước phía sau nhà ông T (giáp ranh đất ông K).

Ông Nguyễn Văn S lắp đặt ống dẫn nước bừa bãi, xả thải qua đất ông T không đúng qui định, cụ thể: Ông dẫn nước từ sông lên ϕ 60, ống dẫn nước sinh hoạt ϕ 21, ống thoát nước mưa (máng xối) ϕ 120, ống dẫn nước thải từ nhà tắm ϕ 34; Ông dẫn nước ϕ 60 lắp đặt âm nền nhà của ông T từ đất ông S đến đất ông K.

Nay yêu cầu :

Ông Nguyễn Văn K tháo dỡ, di dời trụ điện kim loại cao 03 mét, ϕ 42; 02 (hai dây) điện mỗi dây dài 33 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 37,1 mét, ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 6,9 mét.

Ông Nguyễn Văn S tháo dỡ, di dời ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 114, dài 4,1 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 34, dài 10,1 mét ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 7,13 mét nằm Nng đất ông T; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 21 dài 22 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60 dài 9,2 mét.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; thẩm quyền thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử; xác minh thu thập T liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hồng T.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình T liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đăng S có đơn đề nghị vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K tranh chấp về quyền lối đi qua. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn K yêu cầu ông Nguyễn Hồng T cho ông K lối đi chiều Ng 1,5 mét, chiều dài từ mốc M9 đến mốc M1 là 47,67 mét, chiều dài từ mốc M8 đến mốc M1 là 48,75 mét, có diện tích đất 72 m² trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9, tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, sổ vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ.

Ông Nguyễn Văn Sa (chết) và bà Trần Thị Nho (chết) có 05 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh (chết), ông Nguyễn Văn Kiệt (chết); ông Nguyễn Hồng C (chết); ông Nguyễn Văn K; ông Nguyễn Văn S.

Ông Nguyễn Hồng C (chết) và bà Lê Thị Ngượn (Lê Thị T, chết năm 2009) là vợ chồng. Ông C và bà N (T) có ba con: Nguyễn Thị Hồng H (không chồng, không con, đã chết); ông Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Hồng P (không vợ, không con, chết tháng 01/2022).

Bà N được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 10/5/2007, số AL 234086, thửa 145, tờ bản đồ số 10. Đến năm 2009. Sau khi bà N chết, ông T và ông P thực hiện thủ tục thừa kế, ông T và ông P được cấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 338,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, sổ vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Hồng T đứng tên, đất xã A, thành phố C, tỉnh Đ.

Xét thấy, diện tích đất nguyên đơn yêu cầu lối đi trước đây là đất trống nhiều người đi trên thửa đất này. Năm 1992, gia đình ông T cất nhà ở đến nay, kết cấu: nền gạch, mái lợp ngói, khung gỗ quy cách, vách tole. Vách nhà đến ranh đất (giáp đất ông S) khoảng 01 mét là đất trống, khoảng đất trống này là phía dưới công sol (phần không gian) nhà ông T. Đến ngày 10/5/2007, bà N được cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 234086, thửa 145, tờ bản đồ số 10. Ngày 12/8/2019, ông T, ông P được cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, sổ vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019.

Lối đi diện tích 72 m² (trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9), chiều Ng 1,5 mét trong đó có một phần đất trống (phía dưới công sol nhà ông T) và một

phần nhà chính của ông T, hơn nữa theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2022 thì phía sau đất của ông T giáp đất ông Nguyễn Văn Trí và đất ông Nguyễn Văn S. Ông K yêu cầu lối đi đề ra đất của ông K (thửa số 20, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01171/QSDD/404/QĐ-UB, ngày 28/9/2003) là loại đất lúa, không có nhà ở và đất ông K cách đất của ông T một khoảng cách 46,5 mét (đất của ông S) rồi mới đến đất ông K, đất ông K không liền kề đất ông T.

Ông T không đồng ý cho ông K sử dụng lối đi tranh chấp, ông T đồng ý cho ông K sử dụng tạm lối đi chiều dài 6,95 mét (giáp đất ông Trí), tính từ đất ở của ông S đến đất ở của ông K, chiều ngang 01 mét, không phải trả giá trị đất, đồng thời phía sau nhà ông K còn khoảng đất trống (giáp đất ông Trí) đi qua lối đi do ông T cho đi tạm là rất thuận tiện và hợp lý nhất và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi, nhưng ông K có ông L đại diện không đồng ý lối đi này, đồng thời ngoài lối đi tranh chấp thì ông K không yêu cầu lối đi nào khác (trên thửa đất số 145). Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu của ông K yêu cầu lối đi diện tích 72 m² trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hồng T yêu cầu :

Ông Nguyễn Văn K tháo dỡ, di dời trụ điện kim loại cao 03 mét, ϕ 42; 02 (hai dây) điện mỗi dây dài 33 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 37,1 mét, ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 6,9 mét.

Ông Nguyễn Văn S tháo dỡ, di dời ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 114, dài 4,1 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 34, dài 10,1 mét ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 7,13 mét nằm Nng đất ông T; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 21 dài 22 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60 dài 9,2 mét.

Xét thấy, thửa số 145, tờ bản đồ số 10, diện tích 338,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, sổ vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ. Trước đây, ông T không ở trên diện tích đất này thường xuyên, mà do ông Nguyễn Hồng P sử dụng, do đất còn trống nên ông P cho ông Nguyễn Văn K lắp đặt trụ điện kim loại cao 03 mét, ϕ 42; 02 (hai dây) điện mỗi dây dài 33 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 37,1 mét, ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 6,9 mét và ông Nguyễn Văn S lắp đặt ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 114, dài 4,1 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 34, dài 10,1 mét ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 7,13 mét nằm ngang đất ông T; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 21 dài 22 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60 dài 9,2 mét.

Nhà ông T, nhà ông K và ông S giáp đường B, đất ở của ông K và ông K vẫn còn trống cho ông K và ông S lắp đặt trụ điện, hệ thống dẫn nước, xả nước. Việc lắp đặt trụ điện, hệ thống dẫn nước, xả nước ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông T, việc mắc đường dây tải điện qua đất của ông T không bảo đảm an toàn và thuận tiện, căn cứ các Điều 252, Điều 255 của Bộ luật dân sự, ông T yêu cầu ông K và ông S tháo dỡ, di dời trụ điện, hệ thống dẫn nước, xả nước là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Đ là có căn cứ.

Từ phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K yêu cầu lối đi diện tích 72 m² trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9 trong thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng T yêu cầu ông Nguyễn Văn K tháo dỡ, di dời trụ điện kim loại cao 03 mét, ϕ 42; 02 (hai dây) điện mỗi dây dài 33 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 37,1 mét, ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 6,9 mét và ông Nguyễn Văn S tháo dỡ, di dời ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 114, dài 4,1 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 34, dài 10,1 mét ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 7,13 mét nằm Nng đất ông T; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 21 dài 22 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60 dài 9,2 mét ra khỏi thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K được miễn án phí (có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí).

Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định.

Ông Nguyễn Hồng T không phải chịu án phí.

Về chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá T sản*): Số tiền 5.233.000 đồng ông Nguyễn Văn K chịu. Ông K đã nộp tạm ứng số tiền 4.033.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng số tiền 1.200.000 đồng, tổng cộng số tiền 5.233.000 đồng, đã chi xong, do đó, ông K phải trả lại cho ông T số tiền 1.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K yêu cầu lối đi diện tích 72 m² trong các mốc M9, M1, M2, M8, M9 trong thửa **đất** số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn K tháo dỡ, di dời trụ điện kim loại cao 03 mét, ϕ 42; 02 (hai dây) điện mỗi dây dài 33 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 37,1 mét, ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 6,9 mét và ông Nguyễn Văn S tháo dỡ, di dời ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 114, dài 4,1 mét; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 34, dài 10,1 mét ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 60, dài 7,13 mét nằm Nng đất ông T; ống nước (hiệu Bình Minh) ϕ 21 dài 22 mét; ống nước

(hiệu Bình Minh) φ 60 dài 9,2 mét ra khỏi thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CR 909165, số vào sổ cấp GCN: CS04790, ngày 12/8/2019 do ông Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng T đứng tên, đất tại xã A, thành phố C, Đ.

(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2022, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc ngày 28/12/2022 của Trung tâm kỹ thuật T nguyên và Môi trường tỉnh Đ).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K được miễn án phí (có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí).

Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hồng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012378, ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá T sản)*: Số tiền 5.233.000 đồng ông Nguyễn Văn K chịu. Ông K đã nộp tạm ứng số tiền 4.033.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng số tiền 1.200.000 đồng, tổng cộng số tiền 5.233.000 đồng, đã chi xong, do đó, ông K phải trả lại cho ông T số tiền 1.200.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Công Khanh